

NHÓM 4: NGUỒN LỰC PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS

Nhóm 4: Nguồn lực phòng chống HIV

STT	Tên chỉ số	Tần suất thu thập
<i>a. Chỉ số về tài chính</i>		
Chỉ số 4.1	Ngân sách cho chương trình phòng, chống HIV/AIDS	Hàng năm
Chỉ số 4.2	Tỷ lệ người nhiễm HIV có BHYT	Hàng năm
<i>b. Độ bao phủ và phân bố các cơ sở cung cấp dịch vụ HIV/AIDS</i>		
Chỉ số 4.3	Số cơ sở tư vấn xét nghiệm HIV	Hàng năm
Chỉ số 4.4	Số phòng khám ngoại trú (OPC)	Hàng năm
Chỉ số 4.5	Số cơ sở cấp phát thuốc ARV	Hàng năm
Chỉ số 4.6	Số điểm cấp phát Methadone	Hàng năm
<i>c. Nhân lực thực hiện chương trình phòng, chống HIV/AIDS</i>		
Chỉ số 4.7	Số bác sỹ tham gia chương trình phòng, chống HIV/AIDS	Hàng năm
Chỉ số 4.8	Số cán bộ y tế tại các cơ sở có chứng chỉ chuyên môn về HIV/AIDS	Hàng năm
Chỉ số 4.9	Số cán bộ y tế làm việc trong lĩnh vực theo dõi và đánh giá chương trình phòng, chống HIV/AIDS trong kỳ báo cáo	Hàng năm
Chỉ số 4.10	Số cán bộ được tham gia đào tạo liên quan HIV	Hàng năm

Chỉ số 4.1: Ngân sách cho chương trình phòng, chống HIV/AIDS

Chỉ số 4.1	Ngân sách cho chương trình phòng, chống HIV/AIDS	
Mô tả chỉ số	Chỉ số thống kê tổng ngân sách cho chương trình phòng, chống HIV/AIDS theo các nguồn tài chính (chính phủ, địa phương, vốn tài trợ nước ngoài, vốn tư nhân...)	
Mục đích sử dụng	Số liệu là cơ sở cho lập kế hoạch về ngân sách và sử dụng ngân sách cho chương trình phòng, chống HIV/AIDS hàng năm cho tỉnh	
Cách tính chỉ số	Tổng ngân sách từ tất cả các nguồn (chính phủ, phi chính phủ, dự án...) hỗ trợ cho chương trình phòng, chống HIV/AIDS của địa phương.	
Nguồn số liệu và cách thu thập	Số liệu tài chính từ Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố/ PAC và các dự án Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS tập hợp các nguồn kinh phí phân bổ cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS từ tất cả các cơ sở/đơn vị/tổ chức có hỗ trợ kinh phí thực hiện trên địa bàn tỉnh.	
Phương pháp tổng hợp	Tổng hợp từ báo cáo tài chính của chương trình phòng, chống HIV/AIDS	
Phân nhóm chỉ số	Phân nhóm	Cách thức phân nhóm
	Nguồn kinh phí	<ul style="list-style-type: none"> - Ngân sách TW, - Ngân sách địa phương, - Ngân sách từ tài trợ/viện trợ - Nguồn khác
	Ngân sách theo chương trình hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> - Dự phòng và Tiếp cận cộng đồng - Xét nghiệm - Điều trị ARV - Chương trình Methadone - Theo dõi và đánh giá
Tần suất cập nhật	Hàng năm	

Chỉ số 4.2: Tỷ lệ người nhiễm HIV có BHYT

Chỉ số 4.2	Tỷ lệ người nhiễm HIV có BHYT
Mô tả chỉ số	Chỉ số thống kê độ bao phủ của BHYT cho người nhiễm
Mục đích sử dụng	Số liệu là cơ sở cho lập kế hoạch về ngân sách và chương trình phòng chống HIV/AIDS
Cách tính chỉ số	Tử số là số người nhiễm HIV hiện còn sống có BHYT tính đến cuối kỳ báo cáo Mẫu số là số người nhiễm HIV hiện còn sống được địa phương quản lý tính đến cuối kỳ báo cáo
Nguồn số liệu và cách thu thập	Tử số thu thập từ BHYT tỉnh/ huyện Mẫu số thu thập theo báo cáo giám sát phát hiện HIV (Thông tư 09)
Tần suất cập nhật	Hàng năm

Chỉ số 4.3: Số cơ sở tư vấn xét nghiệm HIV tự nguyện

Chỉ số 4.3	Số cơ sở tư vấn xét nghiệm HIV tự nguyện
Mô tả chỉ số	Chỉ số thống kê tổng số cơ sở trên địa bàn tỉnh bao gồm cả cơ sở y tế, bệnh viện, trạm giám...hiện đang cung cấp dịch vụ xét nghiệm HIV tính đến cuối kỳ báo cáo
Mục đích sử dụng	<ul style="list-style-type: none">– Đo lường độ bao phủ dịch vụ xét nghiệm HIV trên địa bàn tỉnh– Lập kế hoạch chương trình tư vấn, xét nghiệm HIV nhằm tăng khả năng tiếp cận với dịch vụ xét nghiệm HIV
Cách tính chỉ số	Đếm tổng số cơ sở đang cung cấp dịch vụ xét nghiệm HIV tự nguyện trên địa bàn tính đến cuối kỳ báo cáo
Nguồn số liệu	Chỉ số 5, Bảng 4 của Báo cáo năm công tác phòng, chống HIV tuyến tỉnh (Phụ lục 5 của Thông tư 03)
Phương pháp tổng hợp	Thống kê toàn bộ các cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn xét nghiệm HIV trên địa bàn tỉnh, huyện, xã
Tần suất cập nhật	Hàng năm

Chỉ số 4.4: Số phòng khám ngoại trú (OPC)

Chỉ số 4.4	Số phòng khám ngoại trú (OPC)
Mô tả chỉ số	Chỉ số thống kê số cơ sở thực hiện chăm sóc và điều trị người nhiễm HIV tại địa phương được thành lập đủ tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 09/2011/TT-BYT ngày 26/01/2011 của Bộ Y tế (về nhân lực; điều kiện trang thiết bị; điều kiện cơ sở vật chất và năng lực chuyên môn) tính đến cuối kỳ báo cáo
Mục đích sử dụng	<ul style="list-style-type: none">– Đo lường độ bao phủ dịch vụ điều trị HIV trên địa bàn tỉnh– Lập kế hoạch chương trình điều trị HIV nhằm tăng khả năng tiếp cận với dịch vụ xét nghiệm HIV
Cách tính chỉ số	Đếm tổng số cơ sở đang cung cấp dịch vụ điều trị HIV trên địa bàn tỉnh, huyện, xã tính đến cuối kỳ báo cáo
Nguồn số liệu	Chỉ số 1, Bảng 4 của Báo cáo năm công tác phòng, chống HIV tuyến tỉnh (Phụ lục 5 của Thông tư 03) Thống kê toàn bộ các cơ sở cung cấp dịch vụ điều trị HIV trên địa bàn tỉnh, huyện, xã
Tần suất cập nhật	Hàng năm
Lưu ý	Không tính các cơ sở chỉ cấp phát thuốc ARV theo chỉ định của bác sỹ tại phòng khám ngoại trú

Chỉ số 4.5: Số cơ sở cấp phát thuốc ARV

Chỉ số 4.5	Số cơ sở cấp phát thuốc ARV
Mô tả chỉ số	Chỉ số thống kê tổng số điểm cấp phát thuốc ARV theo chỉ định của bác sỹ tại phòng khám ngoại trú trên địa bàn tỉnh, huyện, xã tính đến cuối kỳ báo cáo
Mục đích sử dụng	Đánh giá độ bao phủ của chương trình chăm sóc và điều trị ARV
Cách tính chỉ số	Thống kê toàn bộ số điểm cấp phát thuốc ARV trên địa bàn tỉnh, huyện, xã tính đến cuối kỳ báo cáo Điểm cấp phát thuốc ARV: Là điểm thực hiện việc phát thuốc ARV theo chỉ định của bác sỹ tại phòng khám ngoại trú. Điểm phát thuốc ARV thường là trạm y tế xã, phường, thị trấn, cơ sở y tế trong các trại giam, tạm giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, trung tâm cai nghiện
Nguồn số liệu	Chỉ số 2, Bảng 4 của Báo cáo năm công tác phòng, chống HIV tuyến tỉnh (Phụ lục 5 của Thông tư 03)
Phương pháp tổng hợp	Thống kê toàn bộ số điểm cấp phát thuốc ARV trên địa bàn tỉnh, huyện, xã tính đến cuối kỳ báo cáo
Tần suất cập nhật	Hàng năm
Lưu ý	Chỉ thống kê số điểm cấp phát thuốc ARV theo chỉ định của bác sỹ tại phòng khám ngoại trú trên địa bàn tỉnh, huyện, xã tính đến thời điểm báo cáo

Chỉ số 4.6: Số điểm cấp phát Methadone

Chỉ số 4.6	Số điểm cấp phát Methadone
Mô tả chỉ số	Chỉ số mô tả tổng số cơ sở cấp phát thuốc điều trị thay thế (gọi tắt là cơ sở cấp phát thuốc) trên địa bàn tính đến cuối kỳ báo cáo. Cơ sở cấp phát thuốc Methadone (sau đây gọi tắt là cơ sở cấp phát thuốc) là một bộ phận thuộc một cơ sở y tế và chỉ thực hiện việc cấp phát thuốc Methadone cho người đang tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện.
Mục đích sử dụng	<ul style="list-style-type: none">- Đánh giá mức độ bao phủ của dịch vụ điều trị thay thế chất gây nghiện dạng thuốc phiện và của chương trình giảm tác hại trên địa bàn tỉnh- Xác định khả năng tiếp cận của người sử dụng ma túy tới điều trị Methadone
Cách tính chỉ số	Đếm số cơ sở chỉ thực hiện việc cấp phát thuốc thay thế cho người đang tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện trên địa bàn xã, huyện, tỉnh tính đến cuối kỳ báo cáo
Nguồn số liệu	Chỉ số 4, Bảng 4 của Báo cáo năm công tác phòng, chống HIV tuyến tỉnh (Phụ lục 5 của Thông tư 03)
Phương pháp tổng hợp	Thống kê toàn bộ số cơ sở MMT trên địa bàn tỉnh, huyện, xã tính đến cuối kỳ báo cáo
Tần suất cập nhật	Hàng năm

Chỉ số 4.7: Số bác sỹ tham gia chương trình phòng, chống HIV/AIDS

Chỉ số 4.7		Số bác sỹ tham gia chương trình phòng, chống HIV/AIDS
Mô tả chỉ số	Chỉ số thống kê tổng số cán bộ y tế có bằng cấp chuyên môn y khoa là Bác sỹ hiện đang làm việc tại tất cả các cơ sở thuộc lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh trong kỳ báo cáo	
Mục đích sử dụng	Thống kê nguồn nhân lực chủ chốt làm việc trong chương trình phòng, chống HIV/AIDS của mỗi địa phương tại từng thời kỳ báo cáo	
Cách tính chỉ số	Đếm tổng số cán bộ có bằng cấp chuyên môn y khoa là Bác sỹ đang làm việc tại các cơ sở phòng, chống HIV/AIDS trên toàn địa bàn bao gồm cả hệ thống nhà nước và hệ thống tư nhân tính tại thời điểm báo cáo	
Nguồn số liệu	Số liệu tổng hợp từ các đơn vị: <ul style="list-style-type: none"> - Các TYT xã; cơ sở cung cấp dịch vụ HIV/AIDS tuyến xã - Các TTYT huyện và cơ sở cung cấp dịch vụ HIV/AIDS tuyến huyện, bệnh viện huyện - Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS tỉnh; Trung tâm y tế dự phòng tỉnh; các cơ sở cung cấp dịch vụ HIV trên địa bàn tỉnh; bệnh viện tỉnh. - Các cơ sở y tế tư nhân có hoạt động và/hoặc cung cấp dịch vụ về HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh. 	
Phương pháp thu thập	Thống kê toàn bộ BS đang thực hiện trong lĩnh vực phòng, chống HIV trên toàn tỉnh trong năm báo cáo	
Phân nhóm chỉ số	Phân nhóm	Cách thức phân nhóm
	Tuyến huyện	Tùng huyện
	Lĩnh vực hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> - Truyền thông và huy động cộng đồng - Tư vấn, xét nghiệm - Theo dõi và đánh giá - Chăm sóc và điều trị - Can thiệp giảm tác hại
Loại cơ sở y tế	<ul style="list-style-type: none"> - Bác sỹ làm tại cơ sở y tế công lập - Bác sỹ làm tại cơ sở y tế tư nhân 	
Tần suất cập nhật	Hàng năm	

Chỉ số 4.8: Số cán bộ y tế tại có chứng chỉ chuyên môn về HIV/AIDS

Số cán bộ y tế tại có chứng chỉ chuyên môn về HIV/AIDS		
Chỉ số 4.8		
Mô tả chỉ số	Chỉ số thống kê tổng số cán bộ y tế đang làm việc trong lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS có chứng chỉ chuyên môn liên quan đến lĩnh vực HIV như chăm sóc điều trị HIV, tư vấn xét nghiệm HIV, điều trị Methadone, truyền thông và huy động cộng đồng, theo dõi và đánh giá tính đến cuối kỳ báo cáo	
Mục đích sử dụng	Thống kê tỷ lệ cán bộ có chứng chỉ chuyên môn về HIV/AIDS trong tổng số cán bộ đang hoạt động trong chương trình. Từ đó đánh giá chất lượng nguồn nhân lực phục vụ công tác phòng, chống HIV/AIDS của mỗi địa phương	
Cách tính chỉ số	Tổng hợp số cán bộ y tế đã có ít nhất 1 chứng chỉ chuyên môn về HIV tính đến cuối kỳ báo cáo bao gồm cả hệ thống nhà nước và hệ thống tư nhân	
Nguồn số liệu	Nguồn thu thập: <ul style="list-style-type: none"> - Các TYT xã; cơ sở cung cấp dịch vụ HIV/AIDS tuyến xã - Các TTYT huyện và cơ sở cung cấp dịch vụ HIV/AIDS tuyến huyện, bệnh viện huyện - Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS tỉnh; Trung tâm y tế dự phòng tỉnh; các cơ sở cung cấp dịch vụ HIV trên địa bàn tỉnh; bệnh viện tỉnh. - Các cơ sở y tế tư nhân có hoạt động về HIV/AIDS trên toàn địa bàn tỉnh. 	
Phương thức tổng hợp	Thống kê tổng số bộ y tế đang làm việc trong lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS có ít nhất 01 chứng chỉ chuyên môn liên quan đến lĩnh vực HIV tính đến thời điểm báo cáo	
Phân nhóm chỉ số	Phân nhóm	Cách thức phân nhóm
	Tuyến huyện	Từng huyện
	Loại hình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn thời gian - Bán thời gian
	Lĩnh vực chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn xét nghiệm - Chăm sóc điều trị - Can thiệp giảm tác hại - Truyền thông và huy động cộng đồng - Theo dõi và đánh giá
Tần suất cập nhật	Hàng năm	

Chỉ số 4.9: Số cán bộ y tế làm việc trong lĩnh vực theo dõi và đánh giá chương trình phòng, chống HIV/AIDS

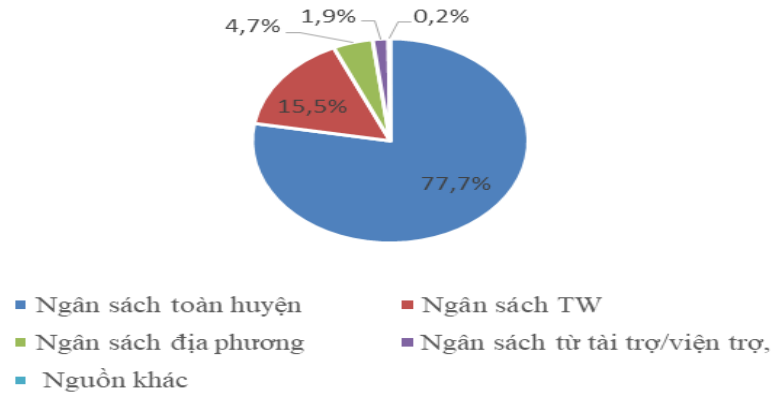
Số cán bộ y tế làm việc trong lĩnh vực theo dõi và đánh giá chương trình phòng, chống HIV/AIDS							
Chỉ số 4.9							
Mô tả chỉ số	Chỉ số thống kê tổng số cán bộ y tế hiện làm việc trong lĩnh vực theo dõi và đánh giá chương trình phòng, chống HIV/AIDS trong kỳ báo cáo						
Mục đích sử dụng	Thống kê nguồn nhân lực phục vụ chương trình theo dõi và đánh giá HIV tại mỗi địa phương						
Cách tính chỉ số	Đếm tổng số cán bộ y tế làm việc trong lĩnh vực theo dõi và đánh giá chương trình phòng, chống HIV/AIDS của tất cả các cơ sở đang hoạt động về lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS trong kỳ báo cáo						
Nguồn số liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Các TYT xã; cơ sở cung cấp dịch vụ HIV/AIDS tuyến xã - Các TTYT huyện và cơ sở cung cấp dịch vụ HIV/AIDS tuyến huyện, bệnh viện huyện - Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS tỉnh; Trung tâm y tế dự phòng tỉnh; các cơ sở cung cấp dịch vụ HIV trên địa bàn tỉnh; bệnh viện tỉnh. - Các cơ sở y tế tư nhân có hoạt động về HIV/AIDS trên toàn địa bàn tỉnh. 						
Phương thức tổng hợp	Thống kê số cán bộ làm việc trong lĩnh vực theo dõi, đánh giá chương trình HIV tại các cơ sở từ tuyến huyện đến tỉnh						
Phân nhóm chỉ số	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 70%;"></th> <th style="width: 30%;">Phân nhóm</th> <th style="width: 30%;">Cách thức phân nhóm</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td>Tuyến huyện</td> <td>Từng huyện</td> </tr> </tbody> </table>		Phân nhóm	Cách thức phân nhóm		Tuyến huyện	Từng huyện
	Phân nhóm	Cách thức phân nhóm					
	Tuyến huyện	Từng huyện					
Tần suất cập nhật	Hàng năm						

Chỉ số 4.10: Số cán bộ được đào tạo liên quan đến HIV/AIDS trong năm

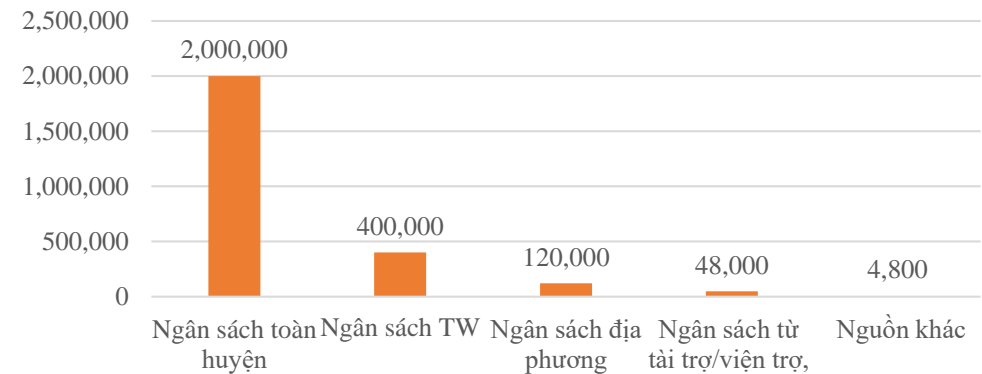
Chỉ số 4.10		Số cán bộ được đào tạo liên quan đến HIV/AIDS trong năm
Mô tả chỉ số	Chỉ số thống kê toàn bộ số cán bộ y tế làm việc trong lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS được tham gia ít nhất 01 khóa đào tạo về một trong các lĩnh vực chuyên môn liên quan HIV, bao gồm: Truyền thông và huy động cộng đồng; chăm sóc và điều trị; can thiệp giảm tác hại; theo dõi và đánh giá; tư vấn và xét nghiệm HIV	
Mục đích sử dụng	Đánh giá hoạt động đào tạo nâng cao năng lực cán bộ đang hoạt động trong lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS	
Cách tính chỉ số	Thống kê tổng số cán bộ được đào tạo trong năm báo cáo.	
Nguồn số liệu	Báo cáo từ các cơ sở hoạt động trên lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh trong kỳ báo cáo	
Phương thức tổng hợp	Tổng hợp số liệu báo cáo đào tạo từ các cơ sở y tế hiện đang hoạt động trong lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS	
Phân nhóm chỉ số	Phân nhóm	Cách thức phân nhóm
	Tuyến huyện	Từng huyện
	Lĩnh vực đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Truyền thông và huy động cộng đồng - Theo dõi và đánh giá - Tư vấn và xét nghiệm - Chăm sóc điều trị - Can thiệp giảm tác hại
Tần suất cập nhật	Hàng năm	

Một số biểu mẫu thường dùng – Nhóm chỉ số nguồn lực phòng, chống HIV/AIDS

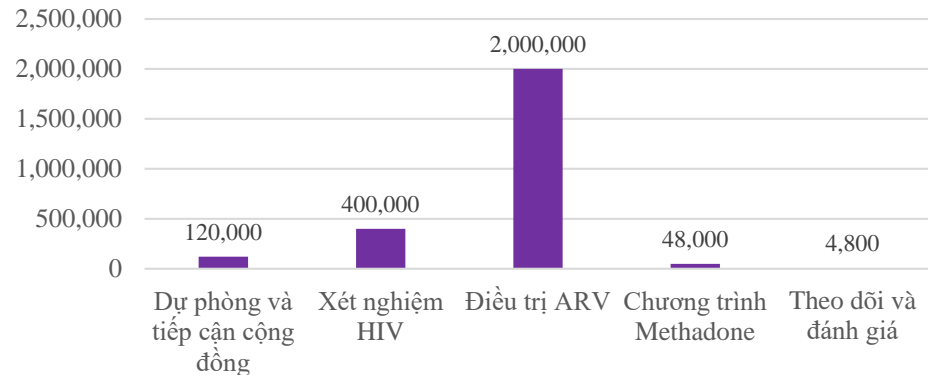
Phân bổ kinh phí từ các nguồn cho chương trình phòng, chống HIV/AIDS tại huyện năm 2016



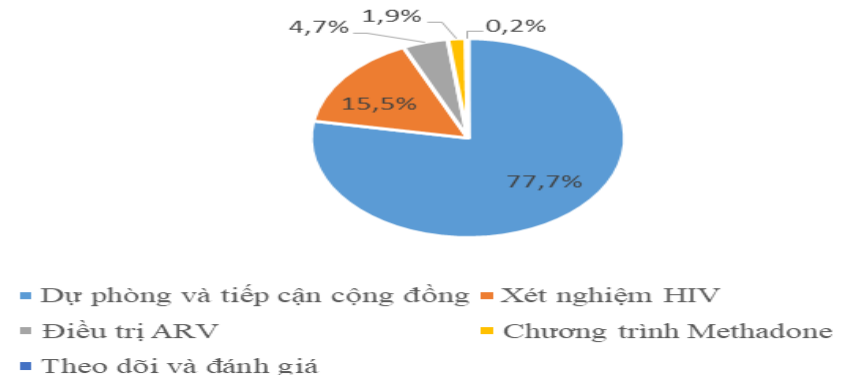
Ngân sách thực hiện chương trình phòng, chống HIV/AIDS năm 2016 (TrĐ) theo nguồn ngân sách



Ngân sách thực hiện chương trình phòng, chống HIV/AIDS năm 2016 phân bổ theo chương trình (TrĐ)



Ngân sách thực hiện chương trình phòng, chống HIV/AIDS năm 2016 phân bổ theo chương trình (%)



Một số biểu mẫu thường dùng – nhóm chỉ số nguồn lực phòng, chống HIV/AIDS

Chỉ số: Tỷ lệ người nhiễm HIV có BHYT

Nội dung	Tổng số	Tỷ lệ
Có BHYT	1200	40,0%
Không có BHYT	1800	60,0%
Tổng số người nhiễm còn sống đến 31/12/2017	3000	100,0%

Tỷ lệ người nhiễm HIV có BHYT năm 2016

